

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày: 05 - 09 - 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Thu

2. Ông Đỗ Văn Cạn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình** tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-TC ngày 01 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-TCDS ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mai Văn T, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm D, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định (nay là thôn D, xã X, tỉnh Ninh Bình);

- Bị đơn: Anh Mai Văn Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm D, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định (nay là thôn D, xã X, tỉnh Ninh Bình);

(Ông T, anh Đ đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Mai Văn T trình bày:

Quan hệ giữa ông và anh Mai Văn Đ là họ hàng trong khu xóm. Ông là anh họ của anh Đ. Ngày 21/9/2021, anh Đ có vay của ông số tiền 372.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi hai triệu đồng). Anh Đ có thống nhất với ông trả nợ như sau: Từ ngày 21/9/2021 đến ngày 15/2/2022, anh Đ sẽ thanh toán lãi cho ông với lãi suất 0,8%/tháng. Từ ngày 15/02/2022 về sau, anh Đ phải trả cho ông 20.000.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng cho đến khi hết số tiền 372.000.000 đồng. Anh Đ cam kết trả hết lãi và gốc cho ông đúng thời hạn đã cam kết. Từ ngày 16/3/2022, anh Đ không thực hiện như cam kết trên, ông T có quyền khởi kiện anh Đ ra tòa án khi đó mọi chi phí

phát sinh anh Đ phải chịu trách nhiệm. Sau khi vay được tiền, anh Đ không chịu thanh toán cho ông theo như thỏa thuận của hai bên. Đến nay anh Đ chưa trả cho ông đồng nào. Ông đã nhiều lần tìm gặp nhưng anh Đ đều trốn tránh, có lần ông vào thành phố Hồ Chí Minh để tìm anh Đ nhưng khi anh Đ nhìn thấy ông thì ngồi lên xe rồi bỏ chạy. Ông điện thoại nhiều lần cho anh Đ nhưng anh Đ đều không nghe máy. Ông nhớ lần gần đây nhất ông gọi điện thoại cho Đ thông qua ứng dụng Zalo, Đ nghe máy. Ông nói với Đ nếu không trả tiền ông, ông sẽ khởi kiện ra toà, anh Đ còn thách thức ông và chặn Zalo của ông. Từ đó đến nay, anh Đ vẫn làm ăn trên Hà Nội chắc chắn có tiền nhưng anh Đ không hề nói gì về việc trả nợ cho ông. Nay ông làm đơn khởi kiện đối với anh Mai Văn Đ đề nghị Toà án yêu cầu anh Mai Văn Đ phải có trách nhiệm trả nợ cho ông. Tính đến ngày 05/9/2025, số tiền anh Đ phải trả cho ông cụ thể như sau: Số tiền nợ gốc: 372.000.000 đồng, tiền lãi 03 năm từ 21/9/2021 đến 21/9/2024 (theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự) $372.000.000 \times 0,8\% \times 150\% \times 36 \text{ tháng} = 160.704.000 \text{ đồng}$. Tiền lãi từ ngày 21/9/2024 đến 05/9/2025: $372.000.000 \times 0,8\% \times 150\% \times 11,5 \text{ tháng} = 51.336.000 \text{ đồng}$. Ngoài ra, anh Đ còn phải trả cho ông tiền lãi trên lãi chậm trả cụ thể: $160.704.000 \times 10\% (\text{năm}) = 15.400.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi anh Đ phải trả ông là: 227.440.000 đồng. Tính đến ngày 05/9/2025, anh Đ phải trả cho ông T số tiền 599.440.000 đồng và tiếp tục tính lãi đến khi anh Đ trả nợ xong.

Đối với bị đơn anh Mai Văn Đ: Toà án đã báo gọi nhiều lần anh Đ lên làm việc và cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để anh Đ được biết nhưng anh Đ không đến Tòa án để làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đến Tòa án.

Kết quả làm việc tại Ủy ban nhân dân xã X nay là xã X, tỉnh Ninh Bình ngày 06/6/2025 xác định:

- Về quan hệ gia đình: Ông Mai Văn T và anh Mai Văn Đ có quan hệ họ hàng với nhau, ông T là anh họ của anh Đ.

- Hiện nay, Toà án đang thụ lý giải quyết vụ án trên và đã nhiều lần báo anh Đ lên làm việc nhưng anh Đ không đến Toà án làm việc. Việc anh Đ không đến, địa phương có tổng đạt giấy báo của Toà án cho anh Đ rất nhiều lần nhưng anh Đ đều trốn tránh và không hợp tác nhận giấy báo của Toà án. Địa phương đã giao giấy báo của Toà án cho anh Đ thông qua mẹ đẻ là bà Mai Thị T1 và bà T1 cũng trốn tránh và không hợp tác đến Toà án làm việc.

- Ông Mai Văn T yêu cầu Toà án buộc anh Mai Văn Đ phải thanh toán cho ông số tiền nợ gốc 372.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính kể từ ngày 21/9/2021 đến ngày trả nợ hết.

- Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã X về việc giải quyết vụ án nói trên là đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật buộc anh Mai Văn Đ phải có trách nhiệm trả cho ông Mai Văn T khoản vay trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với anh Mai Văn Đ, buộc bị đơn anh Mai Văn Đ phải thanh toán cho ông Mai Văn T số tiền tính đến ngày 05/9/2025 là 599.440.000 đồng. Anh Mai Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật và tiếp tục vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Đối với anh Mai Văn Đ không có mặt tại địa phương, Tòa án đã làm các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh Đ không đến Tòa án để làm việc cũng như không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, điều đó coi như anh Mai Văn Đ từ bỏ quyền lợi của mình nên phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

[3] Để có cơ sở xem xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xem xét một cách khách quan và toàn diện như sau: Theo đơn khởi kiện cũng như căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ngày 21/9/2021 ông Mai Văn T cho anh Mai Văn Đ vay số tiền 372.000.000 đồng. Hai bên cam kết từ ngày 21/9/2021 đến ngày 15/2/2022, anh Đ sẽ thanh toán lãi cho ông T với lãi suất 0,8%/tháng. Từ ngày 15/02/2022 về sau, anh Đ phải trả cho ông T 20.000.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng cho đến khi hết số tiền 372.000.000 đồng. Anh Đ cam kết trả hết lãi và gốc cho ông đúng thời hạn đã cam kết. Anh Mai Văn Đ đã ký nhận vào giấy vay nợ. Từ ngày 16/3/2022, anh Đ không thực hiện như cam kết trên, ông T có quyền khởi kiện anh Đ ra tòa án khi đó mọi chi phí phát sinh anh Đ phải chịu trách nhiệm. Đến thời hạn thanh toán như đã cam kết trong giấy vay nợ, anh Đ không trả được số tiền gốc cũng như tiền lãi, mặc dù ông Mai Văn T đã đòi nhiều lần nhưng anh Đ không trả khoản tiền gốc và lãi như đã cam kết mà còn thách thức ông T khởi kiện ra Tòa án. Để đảm bảo quyền lợi cho mình nên ông T đã khởi kiện đối với anh Mai Văn Đ. Xét thấy, anh Đ vay số tiền nói trên của ông T là hoàn toàn tự nguyện, đây là giao dịch dân sự giữa các bên và phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, do anh Đ không có mặt ở địa phương nên Tòa án đã làm thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để cho anh Đ biết để đến Tòa án làm việc hoặc gửi ý kiến bằng văn bản của mình cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của ông T nhưng rồi không thấy anh Đ đến Tòa án, như vậy anh Đ tự đánh mất quyền lợi của mình. Ngoài khoản tiền gốc mà ông T yêu cầu anh Đ phải trả ra ông T còn yêu cầu tính lãi theo

nếu hai bên đã thỏa thuận, như vậy ông T yêu cầu số tiền lãi anh Đ phải trả là phù hợp. Nay ông Mai Văn T yêu cầu anh Mai Văn Đ phải trả số tiền gốc 372.000.000đ và tiền lãi và lãi chậm trả 227.440.000 từ ngày 21/9/2021 đến ngày 05/9/2025); tổng số tiền tính đến ngày 05/9/2025 là 599.440.000 đồng.

Từ những phân tích trên HĐXX, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T đối với anh Mai Văn Đ là phù hợp nên HĐXX sẽ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T.

[4] Từ những phân tích lập luận đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T buộc anh Mai Văn Đ trả nợ số tiền gốc và lãi; buộc anh Mai Văn Đ phải trả nợ số tiền gốc, số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 05/9/2025 là 599.440.000 đồng.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T đối với anh Mai Văn Đ.
2. Buộc anh Mai Văn Đ phải trả cho ông Mai Văn T số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/9/2025 là 599.440.000đ (năm trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền người phải thi hành án chậm thi hành án phải chịu lãi suất hàng tháng theo mức lãi suất quy định tại điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc anh Mai Văn Đ phải nộp 27.977.000 đồng (hai mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho ông Mai Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.136.000 đồng (mười ba triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tại biên lai số 0000382 ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường (nay là Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND + VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 10 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Xuân Trường;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thung